

# PHIẾU HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN ĐỊA : KHỐI LỚP 8

## TUẦN 23 - TIẾT 24

### BÀI 23 : VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG CỦA LÃNH THỔ VIỆT NAM

#### HOẠT ĐỘNG 1: ĐỌC TÀI LIỆU VÀ THỰC HIỆN CÁC YÊU CẦU

Quan sát các hình dưới đây, em hãy cho biết đây là những địa điểm ở khu vực nào?



quan sát tranh và trả lời bằng hiểu biết thực tế của mình.

#### Hoạt động 1: Vị trí và giới hạn lãnh thổ

HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ tự nhiên Việt Nam và trả lời các câu hỏi:

- Diện tích của VN.
- Tọa độ các điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của phần đất liền.
- Các quốc gia tiếp giáp với Việt Nam.
- Diện tích biển VN. Các vịnh biển, các quần đảo VN.

*Nêu những đặc điểm của vị trí địa lí VN về mặt tự nhiên.* HS dựa vào thông tin SGK/ 84 và trả lời.

## **Hoạt động 2: Đặc điểm lãnh thổ**

**Nhiệm vụ 1:** Tìm hiểu lãnh thổ nước ta phần đất liền

HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và hoàn thành các câu hỏi:

- Phần đất liền nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam dài bao nhiêu?
- Nơi hẹp nhất theo chiều Đông - Tây?
- Chiều dài đường biên giới trên đất liền?
- Chiều dài đường bờ biển?
- > Hình dạng lãnh thổ Việt Nam.
- Hình dạng lãnh thổ có ảnh hưởng như thế nào tới các điều kiện tự nhiên và hoạt động GTVT

**Nhiệm vụ 2:** Tìm hiểu đặc điểm biển Đông thuộc chủ quyền của nước ta.

HS đọc thông tin trong SGK kết hợp với quan sát lược đồ và trả lời các câu hỏi:

- Tên đảo lớn nhất của nước ta là gì? Thuộc tỉnh nào?
- Nêu tên quần đảo xa nhất của nước ta? Chúng thuộc tỉnh, thành phố nào?
- Kể tên một số ngành kinh tế biển mà em biết?

## **HOẠT ĐỘNG 2: KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ QUÁ TRÌNH TỰ HỌC**

Sau khi trả lời các câu hỏi phần đặt vấn đề học sinh ghi ra được nội dung bài học gồm các nội dung sau:

### **I. Vị trí và giới hạn lãnh thổ:**

#### **a) Vùng đất**

- Các điểm cực: (Bảng 23.2 sgk/84)
- Giới hạn:
- + Từ Bắc -> Nam: Kéo dài > 15<sup>0</sup> vĩ độ

- + Từ Tây -> Đông: Rộng 7 kinh độ
- Diện tích phần đất liền : 331.1212km<sup>2</sup>
- Thuộc múi giờ số 7

### **b) Vùng biển**

- Diện tích > 1 triệu km<sup>2</sup>
- Có hàng nghìn đảo lớn nhỏ và 2 quần đảo lớn là Hoàng Sa và Trường Sa.

### **c) Vùng trời**

Là khoảng không gian bao la bao trùm lên lãnh thổ nước ta.

### **d) Đặc điểm của vị trí địa lí VN về mặt tự nhiên**

- Thuộc khu vực nội chí tuyến
- Gần trung tâm ĐNA
- Là cầu nối giữa ĐNA đất liền và ĐNA hải đảo
- Là nơi tiếp xúc giữa các luồng gió mùa và các luồng sinh vật
- Nước ta nằm trong miền nhiệt đới gió mùa, thiên nhiên đa dạng, phong phú, nhưng cũng gặp không ít khó khăn về thiên tai( Bão, lũ lụt, hạn hán)
- Nằm gần trung tâm khu vực ĐNA nên thuận lợi trong việc giao lưu và hợp tác phát triển kinh tế.

## **II. Đặc điểm lãnh thổ:**

### **a) Phần đất liền**

- Hình dạng lãnh thổ cong hình chữ S
- + Kéo dài từ Bắc -> Nam dài 1650km (15 vĩ độ)
- + Đường bờ biển hình chữ S: dài 3260km
- + Đường biên giới dài 4550km
- > kéo dài, hẹp ngang.

### **b) Phần biển**

- Biển Đông thuộc chủ quyền Việt Nam mở rộng về phía đông và đông nam.
- Có nhiều đảo và quần đảo.
- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược cả về phát triển kinh tế và quốc phòng.

\*Giáo viên hướng dẫn học sinh ghi chép:

**I. Vị trí và giới hạn lãnh thổ:**

**II. Đặc điểm lãnh thổ:**

Lưu ý: học sinh ghi chép lại các câu hỏi thắc mắc, trở ngại của học sinh sau khi thực hiện nhiệm vụ học tập.

Trường: THCS Tam Thôn Hiệp

Lớp: 8

Họ tên học sinh:

Môn học	Nội dung học tập	Câu hỏi của học sinh
	<b>I. Vị trí và giới hạn lãnh thổ:</b>  <b>II. Đặc điểm lãnh thổ:</b>	

Chuẩn bị nội dung bài 24: Vùng biển Việt Nam.

Liên hệ giáo viên bộ môn: Trương Thị Thanh Tuyền

Điện thoại: 0978899590